

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Công văn số 4486/BXD-QLN ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ Dự án 5 (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo) và Dự án 6 (Truyền*

thông và giảm nghèo về thông tin) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 05/TTr-SXD ngày 02 tháng 02 năm 2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (có Đề án kèm theo), với các nội dung chính sau:

1. Tên Đề án: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu của Đề án: Thực hiện hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần giảm nghèo bền vững.

3. Phạm vi áp dụng: Tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Kon Plông, Ia H'Drai, Tu Mơ Rông được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nội dung Đề án

a) Tiêu chí, đối tượng được hỗ trợ nhà ở: Theo quy định tại Điều 1, Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BXD.

b) Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo cần hỗ trợ là 876 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 606 hộ, sửa chữa nhà ở 270 hộ).

c) Định mức hỗ trợ và giải ngân vốn hỗ trợ

- Nhà ở xây mới 44 triệu đồng/hộ; trong đó: ngân sách trung ương 40 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) 4 triệu đồng/hộ;

- Sửa chữa nhà ở 22 triệu đồng/hộ; trong đó: ngân sách trung ương 20 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) 2 triệu đồng/hộ;

- Cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác có liên quan.

d) Tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện Đề án:

- Tổng số vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) thực hiện là 32.604 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 26.664 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 5.940 triệu đồng), gồm có:

+ Vốn ngân sách trung ương: 29.640 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 24.240 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 5.400 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện): 2.964 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 2.424 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 540 triệu đồng).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (nếu có).

#### đ) Tiến độ thực hiện

Đến tháng 12 năm 2025 thực hiện hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 876 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 606 hộ và sửa chữa nhà ở 270 hộ), cụ thể như sau:

- Năm 2023: Dự kiến thực hiện hỗ trợ khoảng 530 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 359 hộ và sửa chữa nhà ở 171 hộ).

- Năm 2024: Dự kiến thực hiện hỗ trợ khoảng: 176 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 126 hộ và sửa chữa nhà ở 50 hộ).

- Năm 2025: Dự kiến thực hiện hỗ trợ khoảng: 170 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 121 hộ và sửa chữa nhà ở 49 hộ).

#### e) Tiến độ huy động vốn hàng năm

##### (1) Năm 2023

- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) thực hiện hỗ trợ: 19.558 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 15.796 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 3.762 triệu đồng), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 17.780 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 14.360 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 3.420 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) là 1.778 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 1.436 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 342 triệu đồng).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (nếu có).

##### (2) Năm 2024

- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) thực hiện hỗ trợ là: 6.644 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.544 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.100 triệu đồng), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 6.040 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.040 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.000 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) là 604 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 504 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 100 triệu đồng).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (nếu có).

##### (3) Năm 2025

- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) thực hiện hỗ trợ là 6.402 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.324 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.078 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 5.820 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 4.840 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 980 triệu đồng*).

+ Vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 582 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 484 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 98 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

### 1. Sở Xây dựng:

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; định kỳ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện: Ia H'Drai, Kon Plông, Tu Mơ Rông; các sở, ban ngành liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án; thực hiện việc báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Giám đốc các Sở: Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Ia H'Drai, Kon Plông, Tu Mơ Rông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đ/b);
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (đ/b);
- Liên đoàn lao động tỉnh (đ/b);
- Sở Tư pháp (đ/b);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + CVP, các PCVP (đ/b);
  - + Trung tâm Phục vụ HCC (đ/b);
  - + Phòng: KTTH, KGVX (đ/b);
- Lưu: VT, HTKT.DHL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Sâm**